

Số: 453 /BC-MNTY

Tây Hoa Lư, ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tháng 12 năm 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Mầm non Trường Yên

2. Địa chỉ:

- Địa chỉ khu Trung Tâm: TDP Trung, phường Tây Hoa Lư
- Địa chỉ khu Trường An: TDP Trường An, phường Tây Hoa Lư
- Địa chỉ khu Chi Phong: TDP Chi phong, phường Tây Hoa Lư
- Điện thoại: 0398296779
- Địa chỉ thư điện tử: mntruongyen@gmail.com
- Cổng thông tin điện tử: <https://c0truongyen.ninhbinh.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Trường mầm non công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục mầm non

* Sứ mạng

- Tạo được môi trường an toàn, thân thiện và chất lượng, nơi trẻ em được phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, cảm xúc và xã hội. Môi trường này khuyến khích trẻ khám phá, sáng tạo và hình thành những giá trị nhân văn cơ bản, đồng thời chuẩn bị cho trẻ sẵn sàng bước vào cấp học tiếp theo.

- Xây dựng một đơn vị có tính kỉ luật lao động cao, biết thương yêu hỗ trợ nhau, biết được nhiệm vụ của mỗi cá nhân để tư duy, sáng tạo, làm việc có hiệu quả, trung thực, khách quan trong việc thực thi nhiệm vụ.

* Tầm nhìn

- Luôn duy trì và giữ vững trường Mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 và kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3.

- Tạo ra môi trường an toàn, thân thiện và chất lượng, áp dụng những phương pháp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ tân tiến hàng đầu thế giới trẻ em được phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, cảm xúc và xã hội. Môi trường này khuyến khích trẻ khám phá, sáng tạo góp phần giáo dục một thế hệ tương lai khỏe mạnh và thành công và hình thành những giá trị nhân văn cơ bản.

*** Mục tiêu**

- Mục tiêu nhà trường là giúp trẻ phát triển về thể chất, trí tuệ, cảm xúc, thẩm mỹ và hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách. Cụ thể:

- Phát triển thể chất: Tăng cường sức khỏe, thể lực và kỹ năng vận động cho trẻ.

- Phát triển trí tuệ: Khuyến khích tư duy logic, khả năng giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Phát triển cảm xúc và xã hội: Hình thành kỹ năng giao tiếp, hợp tác và quản lý cảm xúc.

- Phát triển thẩm mỹ: Khám phá và yêu thích nghệ thuật, âm nhạc, hội họa.

- Hình thành nhân cách: Xây dựng các giá trị đạo đức, phẩm chất và thái độ tích cực.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục mầm non

- Trường mầm non Trường Yên được thành lập từ năm 1997 nằm trên địa bàn xã Trường Yên, Huyện Gia Khánh nay thuộc xã Trường Yên, thành phố Ninh Bình. Từ thời điểm thành lập trường có 6 điểm trường, với 19 nhóm lớp(trong đó 3 điểm lẻ có lớp ghép thực hiện Chương trình 26 tuần, dạy 2 buổi/ ngày không tổ chức ăn trưa; Học nhờ tại các hợp tác xã Thắng Thành, HTX Minh Hoa, HTX Xuân Sơn, HTX thôn Tụ An, HTX chi phong, HTX Trường An Không có văn phòng làm việc chính, không có đủ cơ cấu tổ chức hoạt động của nhà trường, chịu trách nhiệm giám sát các hoạt động là cán bộ chuyên trách, tại thời điểm nhà trường có khoảng 70% giáo viên chưa qua đào tạo (lấy con em địa phương vào dạy và cho đi học bồi dưỡng chứng chỉ sơ cấp) 30% tuyển vào đã được học qua lớp đào tạo sơ cấp và trung cấp ,được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo đến tháng 10 năm 2004 trường tập trung về 4 khu: Khu Trung Tâm tại trường tổng(cấp 1 để lại) khu Chi phong, khu Trường An, khu Tụ An, mặc dù được dồn về 4 khu nhưng cơ sở vật chất vẫn còn thiếu thốn nhiều, trước những khó khăn thách thức đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên quyết tâm phấn đấu xây dựng thương hiệu của nhà trường, làm tốt công tác tham mưu, công tác xã hội hóa giáo dục, nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, đến tháng 12/2008 trường được UBND tỉnh Ninh Bình công nhận trường MN đạt chuẩn quốc gia Mức độ I.

Tháng 12/2010 trường được chuyển đổi từ trường mầm non bán công sang công lập. Từ đây Trường Mầm non Trường Yên bước sang trang mới, được UBND huyện Hoa Lư công nhận trường là đơn vị văn hóa, bộ máy tổ chức trong nhà trường đầy đủ các vị trí việc làm và có đủ định biên giáo viên/nhóm, lớp.

Tháng 2/2014 trường được kiểm tra công nhận lại đạt chuẩn quốc gia

Mức độ I (quy định tại Quyết định số 36/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/7/2008). Tháng 11/2018 trường được kiểm tra và tiếp tục duy trì đạt chuẩn quốc gia mức độ I lần 2 (quy định tại Thông tư số 02/2014/TT-BGDĐT ngày 08/02/2014 của Bộ GDĐT).

- Nhà trường luôn lấy tiêu chí chất lượng là hàng đầu, tất cả vì thế hệ tương lai “Trẻ em hôm nay, thế giới ngày mai” Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường luôn quyết tâm xây dựng một tập thể sư phạm đoàn kết, thống nhất một lòng, tích cực tham mưu, làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục, phối với cha mẹ trẻ huy động tối đa trẻ đến trường, thực hiện tốt nhiệm vụ, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Với sự nỗ lực không ngừng tháng Tháng 6 năm 2020 trường được công nhận chuẩn Quốc gia mức độ 2 và đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 (quy định tại Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT).

Năm học 2020-2021 trường đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến cấp huyện, được Giám đốc Sở GDĐT Ninh Bình tặng giấy khen; năm học 2021-2022 trường tiếp tục đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến cấp huyện, được UBND tỉnh Ninh Bình tặng cờ thi đua xuất sắc. Được các cấp các ngành ghi nhận là động lực thúc đẩy và cũng là niềm vinh dự lớn đối với tập thể sư phạm nhà trường.

Tháng 1/2025 sau khi sát nhập huyện Hoa Lư với thành phố Ninh Bình đổi tên thành Thành phố Hoa Lư, trường Mầm non Trường Yên dưới sự quản lý chuyên môn của phòng giáo dục thành phố Hoa Lư.

Tháng 7/2025 sau khi bỏ cấp huyện/ thành phố trường thuộc sự quản lý của UBND phường Tây Hoa Lư.

Hiện tại, trường MN Trường Yên có 03 điểm trường: Điểm trường Trung Tâm đặt tại TDP Trung và 02 điểm trường lẻ đặt tại TDP Trường An, TDP Chi Phong phường Tây Hoa Lư; trường có 19 nhóm, lớp với 453 trẻ em (05 nhóm trẻ với 86 trẻ; 14 lớp với 367 trẻ ; trường có tổng số 52 cán bộ, giáo viên, nhân viên, lao động hợp đồng

6. Thông tin người đại diện pháp luật.

- Họ và tên: Phạm Thị Nguyệt
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ: Trường Mầm non Trường Yên, TDP Trung, phường Tây Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
- Số điện thoại: 0398296779
- Thư điện tử: mntruongyen@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

- a) Trường Mầm non Trường Yên được thành lập năm 1997, đến tháng

12/2010 trường được chuyển đổi từ loại hình trường mầm non bán công sang trường mầm non công lập. Hiện tại, nhà trường có 03 điểm trường, điểm trường chính đặt TDP Trung, 2 điểm trường lẻ đặt tại TDP Trường an, TDP Chi phong.

b) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng.

- Trường Mầm non Trường Yên là trường hạng I, trường có 01 Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng.

- Đ/c: Phạm Thị Nguyệt, sinh năm 1969, được bổ nhiệm làm Hiệu trưởng nhà trường theo Quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hoa Lư

- Đ/c Nguyễn Thu Hương, sinh năm 1983 được bổ nhiệm làm PHT theo Quyết định số 1836/QĐ-UBND ngày 01/06/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hoa Lư

- Đ/c Nguyễn Thị Hải Yến, sinh năm 1989 được bổ nhiệm làm PHT theo Quyết định số 5138/QĐ-UBND ngày 25/2/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hoa Lư

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

a. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên và trình độ đào tạo

- Tổng số cán bộ giáo viên, nhân viên: 52 đồng chí.

Trong đó:

+ Cán bộ quản lý 03 đ/c; 3/3 đ/c có bằng tốt nghiệp Đại học SPMN, bằng Trung cấp lý luận chính trị, chứng chỉ Quản lý giáo dục, chứng chỉ tin học, chứng chỉ ngoại ngữ (Trong đó 01 đ/c trình độ thạc sỹ chuyên ngành QLGD).

+ Giáo viên: 40 đ/c đều có trình độ chuyên môn đạt chuẩn và trên chuẩn (Đại học 40/40 đạt 100%), các đ/c giáo viên có chứng chỉ tin học và chứng chỉ ngoại ngữ.

+ Nhân viên: 11 đ/c (02 nhân viên bằng Đại học: 01 đ/c kế toán; 01 nhân viên nuôi dưỡng; 01 nhân viên y tế trình độ Trung cấp điều dưỡng; 3 nhân viên nuôi dưỡng có bằng trung cấp nấu ăn , 01 nhân viên nuôi dưỡng chứng chỉ nấu ăn; 02 nhân viên bảo vệ có bằng tốt nghiệp THPT)

b. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

100% CBQL, giáo viên tự đánh giá chuẩn nghề nghiệp: Xếp loại tốt 26/39=66.7%; Xếp loại khá: 13/39=33.3%; Xếp loại đạt: 0

c. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định

- 100% cán bộ quản lý, giáo viên hoàn thành chương trình Bồi dưỡng thường xuyên.

- Nhân viên hoàn thành chương trình bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ tay nghề. Nhân viên nấu ăn có giấy xác nhận bồi dưỡng kiến thức an toàn thực phẩm.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho 1 trẻ em.

- Nhà trường có 03 điểm trường tổng diện tích sử dụng là 5400 m² (điểm trường Tự An không sử dụng diện tích 650m²)

+ Điểm trường Trung Tâm có diện tích: 1900 m²

+ Điểm trường Trường An có diện tích: 1765m²

+ Điểm trường Chi phong có diện tích: 1085m²

- Diện tích bình quân tối thiểu cho 1 trẻ em là: 9.4m² /trẻ

2. Số lượng hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn; khối phòng phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

Nhà trường có:

- 19 phòng học/19 nhóm, lớp được phân chia theo đúng độ tuổi. (10 phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục có phòng ngủ riêng, 10 phòng vừa là phòng ngủ và sinh hoạt chung), mỗi phòng sinh hoạt chung có diện tích 60 m²/phòng; đủ ánh sáng tự nhiên, thoáng mát, nền nhà được lát gạch men không trơn trượt, được xây dựng kiên cố, cao tầng, công trình vệ sinh khép kín.

+ 8 Phòng ngủ có diện tích 36.2 m²/phòng; đảm bảo yên tĩnh, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông.

- Bếp ăn 03 khu đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non. Diện tích bếp ăn 03 khu 186m², bình quân 0,3m²/trẻ, gồm khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn, kho lương thực, kho thực phẩm, được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động bếp một chiều.

- 7 phòng hành chính quản trị và 4 phòng phụ trợ:

Văn phòng trường có diện tích 60m², phòng Hiệu trưởng có diện tích 40 m², 2 phòng PHT có diện tích 20 m²/phòng, phòng hành chính quản trị có diện tích 20m². Các phòng phụ trợ: Phòng y tế có diện tích là 20 m²; nhà kho có diện tích 20m²/phòng, 02 khu vệ sinh cho CBGVNV với tổng diện tích là 20 m² nhà để xe cho CBGVNV ở 02 khu với tổng diện tích 40m².(điểm trường Trường An chưa có lán để xe). Nhà trường không có phòng dành cho nhân viên và phòng bảo vệ.

- 2 phòng phục vụ học tập: 01 phòng giáo dục thể chất: có diện tích 60m², thoáng mát, đủ ánh sáng, có đầy đủ đồ dùng, thiết bị phù hợp với nhu cầu phát triển thể chất của trẻ, 01 phòng giáo dục nghệ thuật (phòng hoạt động giáo dục âm nhạc): có diện tích 60m²/phòng, thoáng mát, đủ ánh sáng, có đầy đủ đồ dùng, thiết bị

phù hợp với nhu cầu phát triển thẩm mỹ của trẻ. Nhà trường chưa có phòng đa năng, phòng ngoại ngữ, phòng tin học, phòng thư viện phục vụ cho nhu cầu tổ chức các hoạt động của trẻ.

- Nhà trường có hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định tại khoản 1, khoản 3, Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGD&ĐT ngày 15/5/2016 của Bộ GD&ĐT và Bộ Y tế Quy định về công tác y tế trường học.

3. Số lượng các thiết bị đồ dùng đồ chơi hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

100% các nhóm lớp có đủ trang thiết bị dạy học theo danh mục Đồ dùng-Đồ chơi-Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho GDMN (Theo hướng dẫn tại Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGD&ĐT ngày 23/3/2015), có 16 tỉ vi thông minh kết nối mạng internet cho 16 nhóm lớp giúp giáo viên sử dụng hiệu quả trong các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ.

4. Số lượng đồ chơi ngoài trời, một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác.

- Đồ chơi ngoài trời: 20 loại phục vụ cho các hoạt động vui chơi, vận động liên hoàn, thực hành trải nghiệm của trẻ.

- Có 8 máy vi tính và 5 máy in, 1 máy photocopy phục vụ công tác quản lý, hành chính; 01 máy chiếu phục vụ các hoạt động dạy học, 01 máy chiếu phục vụ các hoạt động chung hội họp, 01 màn hình hiển thị. Tất cả các thiết bị máy tính đều được kết nối Internet ở cả 03 điểm trường.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

- Thực hiện nghiêm túc công tác tự đánh giá. Xây dựng các kế hoạch thực hiện cải tiến chất lượng theo đúng quy định. Tiến độ thực hiện đảm bảo theo đúng kế hoạch đã xây dựng. Hồ sơ đầy đủ, sắp xếp khoa học.

- Tự đánh giá: nhà trường duy trì mức độ trường chuẩn quốc gia mức độ 2 và kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm liên tiếp hàng năm.

- Kết quả đánh giá ngoài và công nhận kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian:

+ 12/2008 trường được UBND tỉnh Ninh Bình công nhận trường MN đạt

chuẩn quốc gia Mức độ I (*Quyết định số 2385/QĐ-UBND ngày 29/12/2008 của chủ tịch UBND tỉnh Ninh bình về việc công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia*)

+ Tháng 2/2014 trường được kiểm tra công nhận đạt chuẩn quốc gia Mức độ I (*Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 10/03/2014 của chủ tịch UBND tỉnh Ninh bình về việc công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ I*).

+ Tháng 11/2018 trường được kiểm tra và tiếp tục duy trì đạt chuẩn quốc gia mức độ I (*Quyết định số 583/QĐ-UBND ngày 29/11/2018 của chủ tịch UBND tỉnh Ninh bình về việc công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ I*)

+ Tháng 6 năm 2020 UBND tỉnh công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 (*Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 22/06/2020 của chủ tịch UBND tỉnh Ninh bình về việc công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 2*)

+ Tháng 6 năm 2020 nhà trường được giám đốc sở giáo dục công nhận kiểm định mức độ 3 (*Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 19/06/2020 của giám đốc sở GD&ĐT Ninh bình về việc công nhận trường mầm non Trường Yên, huyện hoa lưu đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3*)

- Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm liên tiếp hằng năm.

+ Từ khi được công nhận kiểm định CLGD cấp độ 3 và đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 đến nay. Trường Mầm non Trường Yên hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra, chất lượng giáo dục toàn diện ổn định, chất lượng và thành tích các Hội thi có mặt phát triển tốt hơn những năm trước. Nhà trường đã triển khai và tổ chức thực hiện có hiệu quả cuộc vận động do ngành GDĐT phát động và việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục và hoạt động dạy học được tăng cường, triển khai đồng bộ, thu được kết quả tốt. Tập thể sư phạm đoàn kết, thống nhất, cộng đồng trách nhiệm, biết phát huy nội lực, phát huy truyền thống nhà trường.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục trong năm học.

a. Kế hoạch hoạt động tuyển sinh trong đó quy định rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan

Nhà trường xây dựng Kế hoạch số 126/KH-MNTY ngày 16/5/2025 kế hoạch Tuyển sinh trẻ em mầm non năm học 2025 - 2026 cụ thể như sau:

- Đối tượng xét tuyển:
- + Tuyển sinh những trẻ đang cư trú và có hộ khẩu thường trú trên địa bàn xã Trường Yên
- + Trẻ từ 24 tháng đến 72 tháng tuổi.
- Chỉ tiêu: Nhà trường dự kiến 523 trẻ/20 nhóm lớp (06 lớp nhà trẻ và 14 lớp mẫu giáo)
- Phương thức tuyển sinh: Nhà trường thực hiện theo phương thức xét tuyển.
- Thời gian tuyển sinh:
- Từ ngày 1/6/2025 đến hết ngày 10/6/2025.
- + Buổi sáng: Từ 7h30 đến 11h00
- + Buổi chiều: Từ 14h00 đến 17h00
- Kết quả tuyển sinh năm học 2025- 2026

Trong năm học nhà trường đã xét tuyển được 453 trẻ/19 nhóm lớp, trẻ được xét tuyển vào trường đảm bảo đúng độ tuổi theo quy định của Luật Giáo dục, Điều lệ trường mầm non và điều kiện thực tế của nhà trường .

b. Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục

**Về công tác nuôi dưỡng*

- Đầu năm học nhà trường xây dựng Kế hoạch 205/KH-MNTY ngày 22/8/2025 kế hoạch nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục trẻ năm học 2025-2026 gồm chỉ tiêu như sau.

- 100% trẻ đến trường được ăn, ngủ bán trú.
- Hạ tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thể thấp còi độ 1 cuối năm dưới mức 3%, khống chế tỷ lệ trẻ béo phì, không để hiện tượng trẻ suy sinh dưỡng nặng trong trường mầm non.
- Duy trì mức tiền ăn cho trẻ 20.000đ/ ngày/ trẻ kể cả chất đốt (trong đó ăn 2 bữa chính và 1 bữa phụ).
- 100% trẻ được đối sử công bằng trong chăm sóc, nuôi dưỡng.
- Đảm bảo khẩu phần ăn, cân đối giữa các chất đáp ứng nhu cầu năng lượng của trẻ ở trường. Thực đơn của trẻ được thay đổi theo tuần, theo mùa.
- 100% giáo viên có kiến thức, kỹ năng chăm sóc trẻ mầm non, có tinh thần trách nhiệm cao trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ, có tình trạng sức khỏe tốt, không mắc bệnh truyền nhiễm.
- 100% cô nuôi được khám sức khỏe định kỳ 01 lần/ năm, có kiến thức về VSATTP và kỹ năng chế biến thực phẩm.

**Về công tác chăm sóc sức khỏe và đảm bảo an toàn cho trẻ*

- 100% trẻ đến trường được cân đo, khám sức khỏe định kì, được theo dõi quá trình phát triển thể lực và theo dõi, đánh giá bằng biểu đồ tăng trưởng.

- 100% trẻ đến trường có đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân riêng như: khăn mặt, ca, cốc, thìa, bát...có đánh ký hiệu riêng của trẻ.

- 100% lớp có nguồn nước sạch và sử dụng nước sạch trong công tác vệ sinh, chăm sóc trẻ, có bình ủ nước ấm và có đủ nước ấm để trẻ sử dụng về mùa đông.

-100% các nhóm, lớp có công trình vệ sinh khép kín đạt yêu cầu, trang trí hài hòa đẹp mắt phù hợp.

- 100% giáo viên nắm chắc các thao tác vệ sinh và thực hiện thường xuyên nghiêm túc.

- 100% trẻ được đảm bảo an toàn tuyệt đối về mặt thể chất và tinh thần khi đến trường, học tập, vui chơi trong môi trường an toàn sạch sẽ, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông.

* Về công tác giáo dục

- 100% cán bộ, giáo viên tiếp cận các phương pháp giáo dục tiên tiến, ứng dụng vào thực hiện chương trình GDMN, điều chỉnh kế hoạch giáo dục phù hợp với nhà trường, đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục mầm non; có kế hoạch cải tiến chất lượng hàng năm. Đặc biệt linh hoạt điều chỉnh kế hoạch và hình thức giáo dục phù hợp trong điều kiện dịch bệnh không may xảy ra.

- 100% các nhóm, lớp công lập thực hiện đánh giá theo bộ công cụ đánh giá, đánh giá việc thực hiện chương trình GDMN theo hướng dẫn của BGDĐT.

- 100% GV thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn theo Chương trình GDMN sau sửa đổi.

- 100% trẻ có đủ đồ dùng, đồ chơi, dụng cụ học tập phục vụ cho hoạt động học của trẻ.

* Về thực hiện các chuyên đề

- 100% nhóm lớp thực hiện hiệu quả các chuyên đề theo 5 lĩnh vực phát triển của trẻ.

- 14/14 nhóm, lớp tiếp tục thực hiện có hiệu quả chuyên đề “Tôi yêu Việt Nam” “Phòng chống bạo hành trẻ”; chuyên đề “ Xây dựng trường mầm non Xanh- Sạch- Đẹp- An toàn- Hạnh phúc- Lấy trẻ làm trung tâm”; Chuyên đề “ ứng dụng phương pháp giáo dục Steam vào trong các hoạt động giáo dục” phù hợp với điều kiện của nhà trường, địa phương và thực hiện chủ đề năm học 2025-2026.

* Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số

- Các nhóm lớp nghiêm túc thực hiện có hiệu quả văn bản chỉ đạo của các cấp về công nghệ thông tin và chuyển đổi số; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao.

* Tuyên truyền, phối kết hợp với các bậc phụ huynh trong việc NDCSGD trẻ

- 100% phụ huynh nhà trường được tuyên truyền về nội dung phối kết hợp

với nhà trường trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ.

c. Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục mầm non với gia đình và xã hội;

- Thông qua Hội nghị Ban đại diện cha mẹ học sinh, họp phụ huynh toàn trường (3 lần/năm). Qua Ban đại diện CMHS của trường, của nhóm, lớp; tiếp tục hướng dẫn, tuyên truyền phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với CMHS nhằm nâng cao trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, giáo dục trẻ với nhiều hình thức phong phú: thông qua các ngày hội, ngày lễ, qua trang website của nhà trường, đài truyền thanh xã, qua hình thức lập nhóm lớp zalo, facebook...

Nhà trường đã làm tốt công tác tham mưu, phối kết hợp có hiệu quả với cấp Ủy Đảng, chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể để có chính sách phù hợp, huy động nguồn lực tinh thần và vật chất góp phần xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh an toàn trong nhà trường nhằm nâng cao chất lượng CSNDGD trẻ.

d. Thực đơn hàng ngày của trẻ em

Thực đơn tuần lẻ (Tuần 1, 3)

Thứ Bữa ăn	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
Bữa sáng	Com trắng - Thịt rim tôm - Canh cua rau đay mồng tơi - Tráng miệng: dưa hấu	Com trắng - Thịt gà xào giá - Canh riêu ngao Tráng miệng: chuối	Com trắng - Thịt sốt cà chua - Canh thịt khoai tây - Rau củ quả luộc	Com trắng - Thịt rim đậu phụ, cà chua - Canh sườn bí xanh, cà rốt Tráng miệng: Thanh Long	Com trắng - Thịt kho trứng cút - Canh riêu cua Tráng miệng: dưa hấu
Bữa phụ	Sữa mega grow IQ	Sữa mega grow IQ	Sữa chua uống Yakull(sữa chua Vinamill	Sữa mega grow IQ	Sữa mega grow IQ
Bữa chiều	Cháo sườn	Cháo gà đậu xanh hạt sen	Phở bò(xương ống)	Xôi ruốc	Chè đậu đen, đậu đỏ

Thực đơn tuần chẵn (Tuần 2, 4)

Thứ Bữa ăn	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
Bữa sáng	Com trắng - Thịt bò xào rau củ - Canh cua rau đay mồng tơi - Tráng miệng: dưa hấu	Com trắng - Thịt đúc trứng - Canh bí xanh hầm xương Tráng miệng: chuối	Com trắng - Thịt sốt cà chua - Canh cá quả rau cải thì là - Rau củ quả luộc	Com trắng - Thịt gà rim thơm - Canh thịt gà khoai tây, cà rốt Tráng miệng: chuối	Com trắng - thịt rim lạc - Canh riêu cá bí xanh, cà rốt luộc

Bữa phụ	Sữa mega grow IQ	Sữa mega grow IQ	Sữa chua uống Yakull(sữa chua Vinamill	Sữa mega grow IQ	Sữa mega grow IQ
Bữa chiều	Cháo vịt	Xôi ruốc	Phở gà	Chè đậu xanh, hạt sen, khoai lang	Cháo thịt củ quả

- 452/456 trẻ được nuôi ăn bán trú tại trường. Mức ăn 20.000 đồng/trẻ/ngày. Trẻ mẫu giáo và nhà trẻ ăn 02 bữa chính 01 bữa phụ. Tổ chức nuôi theo quy trình bếp một chiều sạch sẽ, hợp vệ sinh, thực hiện lưu mẫu thức ăn hàng ngày đúng quy định. Ký hợp đồng cam kết với người cung cấp lương thực và thực phẩm, không mua thực phẩm không rõ nguồn gốc, không đảm bảo chất lượng. Nhà trường tăng cường trồng rau sạch theo mùa để cung cấp cho bữa ăn của trẻ.

- Thực hiện xây dựng thực đơn tuần chẵn, tuần lẻ và chú trọng chế biến, phối hợp món ăn hợp lý tối thiểu 8 loại thực phẩm, trong đó có 3-5 loại rau, củ, thức ăn không trùng thực phẩm theo ngày.

đ. Các dịch vụ giáo dục mầm non theo quy định

- Mức ăn 20.000 đồng/trẻ/ngày. Trẻ mẫu giáo, nhà trẻ ăn 02 bữa chính 01 bữa phụ

- Chăm sóc bán trú (bao gồm tiền chi bồi dưỡng trực trưa cho giáo viên, cán bộ quản lý, các đối tượng nhân viên khác được phân công và tiền thuê người nấu ăn): Mức 140.000đồng/học sinh/tháng.

- Mua sắm dụng cụ, đồ dùng phục vụ nấu ăn và đồ dùng cá nhân cho học sinh bán trú:

+ Thu lần đầu tuyển mới vào trường (cháu mới): Mức 100.000đồng/học sinh/lần.

+ Thu bổ sung hàng năm để đầu tư thay thế... dụng cụ hư hỏng, mất mát (học sinh cũ): Mức 50.000đồng/học sinh/năm học.

- Tiền vệ sinh: 10.000.đ/trẻ/ tháng

- Nước uống: 15.000đ/ trẻ/tháng

- Tiền tài liệu, đồ dùng học tập của trẻ:

+ Khối 5 tuổi: 240.000đ/ trẻ/ năm.

+ Khối 4 tuổi: 150.000đ/trẻ/năm

+ Khối 3 tuổi: 160.000đ/trẻ/ năm

+ Khối nhà trẻ: 100.000đ/ trẻ/năm

1. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước.

a. Tổng số trẻ; tổng nhóm, lớp số trẻ em tính bình quân/nhóm, lớp trên 1 lớp;

- Tổng số nhóm lớp : 19 nhóm lớp/453 trẻ, trong đó: số trẻ nhà trẻ 86 trẻ/5 nhóm lớp; trẻ Mẫu giáo 367 trẻ/14 nhóm lớp. Số trẻ/từng nhóm lớp như sau:

+ Khối nhà trẻ: Lớp 2TA: 22 trẻ; Lớp 2TB: 22 trẻ Lớp 2TC: 22 trẻ Lớp 2TD: 9 trẻ; lớp 1TA: 14 trẻ.

+ Khối 3-4 tuổi: Lớp 3TA: 21 trẻ; Lớp 3TB: 21 trẻ; lớp 3TC: 20 trẻ ; lớp 3TD: 20 trẻ; lớp 3TE: 11 trẻ

+ Khối 4-5 tuổi: Lớp 4TA: 40 trẻ; lớp 4TB: 34 trẻ; lớp 4TC: 29 trẻ; lớp 4TD: 34 trẻ; lớp 4TE: 20 trẻ.

+ Khối 5-6 tuổi: Lớp 5TA: 36 trẻ; lớp 5TB: 31 trẻ; lớp 5TC: 31 trẻ; lớp 5TD: 20 trẻ;

b. Số trẻ em được học 2 buổi trên ngày; 452/456 trẻ được học 2 buổi/ngày đạt 100%.

c. Số trẻ được tổ chức ăn bán trú; 100% trẻ được ăn bán trú tại trường .

d. Số trẻ được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ;

- 100% trẻ được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ và được khám sức khỏe định kỳ 2 lần/1 năm.

đ. Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi;

- Huy động trẻ 5 tuổi đến lớp đạt tỷ lệ 100%. Hàng năm được UBND thành phố đánh giá phường đạt tiêu chuẩn PCGDMNTE 5 tuổi.

e. Số trẻ em khuyết tật; Không

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các khoản thu chi từ nguồn NSNN cấp

STT	Nội dung	Tổng thu	Tổng chi	Tồn
1	Ngân sách nhà nước cấp chi thường xuyên tự chủ năm 2025	8.735.250.000	8.735.250.000	0
2	Chi thường xuyên không tự chủ năm 2025	1.482.414.400	1.482.414.400	0

2. Các khoản thu dịch vụ phục vụ hoạt động giáo dục năm học 2025-2026: tính đến hết ngày 30/12/2025

STT	Tên các khoản thu	Mức thu	Tổng số thu	Tổng số chi	Tổng số tiền dư
I	Các khoản thu dịch vụ phục vụ HĐ giáo dục				
1	Tiền ăn + chất đốt, nước rửa bát	20.000đ/trẻ/ngày	680.200.000	644.009.500	31.190.500
2	Tiền đồ dùng phục vụ bán trú	Cháu mới: 100.000đ/trẻ/năm Cháu cũ: 50.000đ/trẻ/năm	28.050.000	27.426.000	824.000

3	Tiền chăm sóc bán trú	140.000đ/trẻ/tháng	252.280.000	252.280.000	0
4	Tiền nước uống	15.000đ/trẻ/tháng	23.865.000	23.850.000	15.000
5	Tiền vệ sinh	10.000đ/trẻ/năm	18.220.000	12.663.000	5.557.000
6.	Tiền sách vở, đồ dùng tài liệu trẻ	+ Khối 5 tuổi: 240.000đ/ trẻ/ năm. + Khối 4 tuổi: 150.000đ/trẻ/năm + Khối 3 tuổi: 160.000đ/trẻ/ năm + Khối nhà trẻ: 100.000đ/ trẻ/năm	75.840.000	75.840.000	0

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

- Nhà trường và 01 cơ sở tư thực nghiêm túc xây dựng kế hoạch và thực hiện hiệu quả phương án phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ về mọi mặt, không để dịch bệnh lây lan tại nhà trường. Thực hiện tốt 3/3 bếp ăn sạch sẽ, an toàn, đảm bảo VSATTP theo quy trình 1 chiều; bếp ăn đúng quy cách, có đầy đủ đồ dùng, thiết bị hiện đại.

- Tìm nguồn GV hợp đồng, tham mưu UBNDTP bổ sung đủ số lượng cán bộ, giáo viên, nhân viên theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV. 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện nghiêm túc có hiệu quả văn bản chỉ đạo của các cấp không vi phạm pháp luật.

- 100% cán bộ, giáo viên tiếp cận các phương pháp giáo dục tiên tiến, ứng dụng vào thực hiện chương trình giáo dục mầm non, phát triển chương trình giáo dục nhà trường phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương; đánh giá việc thực hiện chương trình theo đúng hướng dẫn của Bộ GDĐT.

- 19/19 nhóm lớp nâng cao chất lượng trường chuẩn quốc gia; 100% các lớp mẫu giáo ứng dụng STEAM.

- 100% GV soạn giáo án trên vi tính, thực hiện tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, sử dụng hiệu quả các phần mềm, xây dựng kho tài liệu, học liệu, các công cụ hỗ trợ (Phần mềm tương tác, tài liệu trực tuyến, ngân hàng video, ...).

- Xây dựng và thực hiện hiệu quả kế hoạch thực hiện chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” giai đoạn 2021- 2025, chương trình “Tôi yêu Việt nam”, “Phòng chống bạo hành trẻ” phù hợp với điều kiện của nhà trường, địa phương. Xây dựng 5 lớp điểm (5 tuổi A; 4 tuổi A; 5TA; 3 tuổi A và 2 tuổi).

- 100% trẻ được đảm bảo an toàn tuyệt đối về mọi mặt, nâng cao chất lượng bữa ăn của trẻ, giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng cuối năm học còn dưới

mức 3%, giảm từ 1.5-2% so với đầu năm học.

- Nhà trường thực hiện nghiêm túc các khoản thu, chi theo các văn bản chỉ đạo, đảm bảo thu đủ bù chi, tạo sự đồng thuận của các bậc phụ huynh và nhà trường.

- Thực hiện tốt kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục, duy trì đảm bảo vững trắc các điều kiện phòng học/lớp, có nhà vệ sinh sạch sẽ, đạt yêu cầu.

- Từng bước phấn đấu đến 2026 các phòng học/lớp, đủ trang thiết bị đồ dùng, đồ chơi để hướng tới đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo vào năm 2026.

- Nhà trường thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, xã hội hóa giáo dục, quan hệ hợp tác đảm bảo theo quy định. Mỗi tháng có ít nhất 01 bài viết (video) về GDMN của địa phương hoặc phổ biến kiến thức chăm sóc, giáo dục trẻ theo khoa học đăng trên Website của nhà trường

- Hoàn thành tốt các lĩnh vực công tác GDMN theo quy định của Bộ GDĐT.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo phòng VH-XH phường(BC);
- Trang Websize;
- Lưu: VT, HSCK



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Nguyệt